TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3- LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 16-06-2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- LÀO CAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương;
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vương Thị Thu Lan
2. Ông Nguyễn Văn Tấn

- Thư ký phiên toà: Bà Mai Thu Huyền Trang – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 06 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2026/TLST-HNGĐ ngày 27-3-2026 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2026/QĐXX-ST ngày 11 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2026/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 05 năm 2026, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1993;

Căn cước công dân: 015193000032, cấp ngày 11/08/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội;

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, tỉnh Lào Cai, có mặt.

+ Bị đơn: Anh Đặng Đình D, sinh năm 1991;

Căn cước công dân: 001091050806, cấp ngày 11/08/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội;

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, tỉnh Lào Cai, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23 tháng 03 năm 2026 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên toà nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Đặng Đình D trước khi kết hôn có được tìm hiểu và tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện T1, tỉnh Yên Bái ngày 25/11/2016. Sau khi kết hôn, chị và anh D chung sống cùng gia đình nhà chồng tại xã Y , huyện T1, tỉnh Yên Bái đến khoảng năm 2021 chuyển về phường N, thành phố Y1 nay là phường Y1, tỉnh Lào Cai nhưng chưa cắt khẩu. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, vợ chồng có xảy ra

xô xát, cãi cọ. Mâu thuẫn giữa chị và anh D hai bên gia đình có biết, đã phân tích hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không khắc phục được. Chị H và anh D đã sống ly thân mỗi người một nơi. Đến nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đặng Đình D.

Về con chung: Chị H và anh D có 02 người con chung Đặng Hoàng A, sinh ngày 28-06-2017 và Đặng Hoàng H1, sinh ngày 21-9-2019. Ly hôn chị H có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 người con chung và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai, bị đơn anh Đặng Đình D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi kết hôn với cô Nguyễn Thị H trước khi kết hôn có được tìm hiểu và tự nguyện. Đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Y, huyện T1, tỉnh Yên Bái ngày 25/11/2016. Sau khi kết hôn, chúng tôi chung sống cùng gia đình bố mẹ tôi tại xã Y, huyện T1, tỉnh Yên Bái, cuối năm 2021, đầu năm 2022 chuyển về phường N sinh sống nhưng hộ khẩu vẫn ở xã Y nay là xã Q, tỉnh Lào Cai. Cuối năm 2023, đầu năm 2024 do áp lực cuộc sống mưu sinh và công việc hàng ngày vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng theo tôi là nhỏ, vì gia đình nào cũng có xô xát. Tôi vẫn còn tình cảm với cô H và có trách nhiệm với hai con của tôi là Đặng Hoàng A và Đặng Hoàng H1, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng tôi về đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Tôi và chị H có hai người con chung Đặng Hoàng A, sinh ngày 28-06-2017 và Đặng Hoàng H1, sinh ngày 21-9-2019, tôi mong muốn vợ chồng tôi về đoàn tụ gia đình nên về con chung tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu chị H cương quyết xin ly hôn, không thay đổi ý kiến thì tôi xin có nguyện vọng nuôi cả hai con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai đã nhiều lần triệu tập, thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải; trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh Đặng Đình D nhưng anh D không có mặt theo yêu cầu của Tòa án để làm việc nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện khu vực 3 – Lào Cai phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị H được ly hôn bị đơn anh Đặng Đình D; Về con chung: Giao chị

Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai người con chung là cháu Đặng Hoàng A, sinh ngày 28-06-2017, Đặng Hoàng H1, sinh ngày 21-9-2019 và anh D không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Đặng Đình D có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã Q, tỉnh Lào Cai. Căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai.

Về thủ tục tố tụng: Anh Đặng Đình D là bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Đặng Đình D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Đình D kết hôn có tìm hiểu và tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện T1, tỉnh Yên Bái ngày 25 tháng 11 năm 2016. Việc kết hôn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật Hôn nhân và Gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Đình D là hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy: Quá trình chung sống chị H và anh D tính cách không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xảy ra xô xát, cãi cọ và đã sống ly thân mỗi người một nơi. Quá trình giải quyết vụ án anh D xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn không đồng ý ly hôn nhưng trong suốt quá trình Toà án giải quyết vụ án chị H và anh D không cải thiện được tình cảm vợ chồng, anh D không có mặt tại Tòa án để làm việc nên Tòa án không hòa giải được, chị H vẫn cương quyết ly hôn anh D. Từ những phân tích trên thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh Đặng Đình D.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Đình D có 02 người con chung Đặng Hoàng A, sinh ngày 28-06-2017 và Đặng Hoàng H1, sinh ngày 21-9-2019. Ly hôn chị H có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả hai người con, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con. Anh D cũng có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả hai người con và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị H và anh D đều chính đáng, tuy nhiên cả cháu Đặng Hoàng A và cháu Đặng Hoàng H1 hiện đang ở cùng với chị H, do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu A và cháu H đều có nguyện vọng được ở với

chị H. Anh D có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh D không có mặt tại Tòa án để làm việc. Do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu cần giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai người con chung là cháu Đặng Hoàng A và cháu Đặng Hoàng H1 là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Đình D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ được chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271; Điều 273, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Đặng Đình D.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đặng Hoàng A, sinh ngày 28-06-2017 và Đặng Hoàng H1, sinh ngày 21-9-2019 đến khi cháu Đặng Hoàng A, Đặng Hoàng H1 đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh Đặng Đình D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị H đã nộp theo biên lai số 0001042 ngày 23/03/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Xác nhận chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Đặng Đình D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận*:*
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 3 – Lào Cai;
- Phòng THADS khu vực 3 - Lào Cai;
- UBND xã Q, tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương